

Số: 275 /QĐ-BQLCC.HCTH

Cửa Lò, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của Ban quản lý cảng cá Nghệ An

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ CẢNG CÁ NGHỆ AN

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Quyết định số 4880/QĐ-UB.TC ngày 12/12/2003 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Ban quản lý cảng cá Nghệ An; Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban quản lý cảng cá Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 4158/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 926/TB-STC ngày 25/12/2025 của Sở Tài chính về dự toán thu, chi NSNN năm 2026;

Theo đề nghị của Phụ trách kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Ban quản lý Cảng cá Nghệ An (Có biểu mẫu, số liệu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giao Bộ phận HCTH thực hiện việc đăng tải công khai số liệu kèm theo Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của Ban quản lý cảng cá Nghệ An.

Điều 3. Phụ trách Bộ phận HC - TH, Phụ trách kế toán, Phụ trách các cảng cá và các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lãnh đạo BQLCC (để biết);
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Phan Tiến Chương

Đơn vị: Ban quản lý cảng cá Nghệ An

Chương: 412

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 275 /QĐ-BQLCC.HCTH ngày 24/07/2026 của Ban quản lý
cảng cá Nghệ An)

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.264.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.264.000.000
1	Chi hoạt động kinh tế	3.949.000.000
1.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.949.000.000
2	Chi sự nghiệp môi trường	315.000.000
2.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	315.000.000